

Cao Bằng, ngày 14 tháng 8 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 03/8/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	8,25	Tám phẩy hai năm	41	Ngô Thị Ngọc Linh	8,00	Tám
2	Nông Thị Ao	8,00	Tám	42	Hoàng Thị Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Thị Bạch	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nguyễn Phương Mai	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Lục Thị Châm	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nông Thị Niệm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Lê Kiên Chung		<i>Hoãn thi</i>	45	Dương Thị Ngân	8,00	Tám
6	Hoàng Thị Chuyên		<i>Thôi học</i>	46	Phạm Thị Nhân	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Phan Đoàn Dân	7,00	Bảy	47	Triệu Thị Nháy	8,00	Tám
8	Hà Thị Phương Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Phùng Tồn Nhất	7,00	Bảy
9	Vi Thị Dung	7,50	Bảy phẩy năm	49	Chu Thị Nhậ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Bế Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Hoàng Thị Nhiệm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Luân Tuấn Đạt	7,00	Bảy	51	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
12	Nông Tiến Đạt	8,25	Tám phẩy hai năm	52	Phạm Thị Lưu Như	7,75	Bảy phẩy bảy năm
13	Trần Văn Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	53	Thắm Thị Phúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Lưu Chí Đức	7,25	Bảy phẩy hai năm	54	Hoàng Thúy Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
15	Tô Thị Giang	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Hứa Mạnh Toàn	7,25	Bảy phẩy hai năm
16	Đào Thị Hạnh	8,50	Tám phẩy năm	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Chu Thị Hào	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Phùng Ngọc Tú	7,00	Bảy
18	Hoàng Thị Tú Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Mông Tô Tuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
19	Hoàng Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	59	Nông Văn Tư	6,00	Sáu
20	Nông Trung Hiếu	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Lâm Đức Thành	6,75	Sáu phẩy bảy năm
21	Hà Thị Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Lôi Thị Thao	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Đàm Thị Phương Hoài	8,25	Tám phẩy hai năm	62	Lý Thị Thảo	7,00	Bảy

23	Mã Xuân Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	63	Lâm Thu Thiều	7,50	Bảy phẩy năm
24	Lý Thị Hợp	8,00	Tám	64	Chu Thị Thom	6,50	Sáu phẩy năm
25	Trịnh Minh Huế	8,00	Tám	65	Phạm Bằng Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
26	Nông Lý Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	66	Hà Thị Thu	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Hoàng Mạnh Hùng	7,00	Bảy	67	Luong Thị Thanh Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
28	Hà Văn Huy	7,25	Bảy phẩy hai năm	68	Hoàng Thu Thủy	8,00	Tám
29	Hoàng Văn Hưng	7,00	Bảy	69	Trần Thị Thụ Thúy	8,25	Tám phẩy hai năm
30	Nông Thị Hương	8,00	Tám	70	Nông Thị Thúy	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Đàm Thị Thu Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	71	Lê Thị Thương	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Hứa Thị Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Nguyễn Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
33	Ma Nông Hữu	7,00	Bảy	73	Chu Thị Huyền Trang	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Nông Thị Kiều	7,25	Bảy phẩy hai năm	74	Triệu Thị Trâm	8,25	Tám phẩy hai năm
35	Vương Văn Khuyên	7,50	Bảy phẩy năm	75	Bàn Hữu Trung	6,00	Sáu
36	Lục Thị Lan	7,00	Bảy	76	Hoàng Lê Vân	8,25	Tám phẩy hai năm
37	Nông Hồng Lanh	7,50	Bảy phẩy năm	77	Trần Văn Việt	8,00	Tám
38	Long Thị Lãnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Hoàng Văn Vinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
39	Nông Văn Lâm	8,25	Tám phẩy hai năm	79	Hoàng Xuân Vũ	7,00	Bảy
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,25	Tám phẩy hai năm	80	Hoàng Thị Hải Yến		<i>Thôi học</i>

Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 10 điểm; Điểm 7,25: 09 điểm; Điểm 7,50: 11 điểm; Điểm 7,75: 16 điểm; Điểm 8,00: 10 điểm; Điểm 8,25: 15 điểm; Điểm 8,50: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG






Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thủy

Trịnh Thị Ánh Hoa